

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 6 năm 2020

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quyết

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **D**, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Số K19/2 đường T, phường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà **V**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số K52/9 đường N, tổ 51, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **C**, sinh năm 1959; Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05/12/2020, nguyên đơn là ông D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà V kết hôn với nhau vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian đầu, chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau, tuy nhiên

kể từ năm 2019 trở đi tôi biết được vợ tôi có quan hệ tình cảm bên ngoài, không còn quan tâm gì đến gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà V.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: N, sinh ngày 11/03/2015 và C1, sinh ngày 03/6/2017. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là N, sinh ngày 11/03/2015 và C1, sinh ngày 03/6/2017. Tôi không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông D trình bày: Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là N, tôi đồng ý giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là C1. Mỗi người tự nuôi 01 con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại văn bản ghi ý kiến của bị đơn ngày 17/02/2020, bà V trình bày:*

Vợ chồng tôi kết hôn vào ngày 06/8/2014 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường G đến tháng 6/2018 thì chuyển về sống tại địa chỉ số K104/20 đường L, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên ông D đã đi chuyển ra riêng. Nay ông D xin ly hôn, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, ông D không còn tình cảm vợ chồng, không yêu thương, chăm sóc, quý trọng tôi nữa nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung là: N, sinh ngày 11/03/2015 và C1, sinh ngày 03/6/2017. Ly hôn tôi xin được nuôi 02 con, ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 01 con cho đến khi đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/01 tháng.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà V trình bày: Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung N và C1. Tôi không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - Ông C trình bày:* Việc ông D yêu cầu ly hôn với bà V, bà V xét thấy không thể níu kéo được nữa do ông D không còn thương yêu vợ nên bà V chấp nhận ly hôn và xin được nuôi 02 con chung, nhưng ông D đã đưa cháu N đi làm tình cảm mẹ con và 02 chị em N - C1 bỗng dưng xa cách.

Bà V và ông D đều có công ăn việc làm như nhau. Bà V có thu nhập tiền lương mỗi tháng 7.875.797 đồng nên đảm bảo việc nuôi con, bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của cha mẹ ruột của bà V.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung N và C1 là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà V có địa chỉ cư trú tại tổ 51 phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà V đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà V, lý do là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, bà V không còn quan tâm đến gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bị đơn bà V cũng xác nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D.

Xét yêu cầu của ông D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Nhưng trên thực tế thì vợ chồng ông D, bà V đã sống ly thân, mỗi người sống ở mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà V là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Ông D và bà V có 02 con chung là N, sinh ngày 11/03/2015 và C1, sinh ngày 03/6/2017.

Ly hôn ông D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là N, sinh ngày 11/03/2015 và đồng ý giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là C1, sinh ngày 03/6/2017. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là N, sinh ngày 11/03/2015 và C1, sinh ngày 03/6/2017. Không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con và điều kiện thực tế của mỗi bên. Cả hai cháu N, sinh ngày 11/03/2015 và C1, sinh ngày 03/6/2017 hiện nay đã trên 03 tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không hỏi nguyện vọng của các cháu là muốn ở với ba hay với mẹ. Tại phiên tòa ông D khai hiện nay ông đang sinh sống tại thành phố H, tỉnh Quảng Bình và đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N. Còn bà V đang sinh sống tại thành phố Đà Nẵng và đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu C1. Ông D và bà V đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên để đảm bảo quyền được nuôi con của các bên nên cần giao cho ông D và bà V mỗi người nuôi một con. Vì vậy, giao cháu N, sinh ngày 11/03/2015 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu C1, sinh ngày 03/6/2017 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của ông D và bà V.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của ông D đối với bà V.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông D được ly hôn với bà V.

2. Về con chung:

- Giao cho ông D nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là N, sinh ngày 11/03/2015;

- Giao cho bà V nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là C1, sinh ngày 03/6/2017.

Ông D và bà V mỗi người có nghĩa vụ tự nuôi 01 con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông D đã nộp tại biên lai thu số 0001746 ngày 10.2.2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường G, quận K;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân